

Số: 46/KH-THPTCHH

*Hải Hậu, ngày 22 tháng 10 năm 2022*

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo**

#### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019; Luật viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019; Luật công đoàn năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về ban hành chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về ban hành chuẩn giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình sách giáo khoa, giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDPT công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT- BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành chế độ làm việc của giáo viên phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020, Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 08/2019/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường TH và trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về giáo dục và đào tạo;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT C Hải Hậu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ thực trạng đội ngũ của nhà trường.

Trường THPT C Hải Hậu xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý năm học 2022-2023 như sau:

## **II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Cơ sở giáo dục: **Trường THPT C Hải Hậu, Nam Định**

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Điện thoại: 0228.3874367; Website: <http://thpt-chaihau.namdinh.edu.vn>

### **1. Những thời cơ, thách thức đối với đội ngũ khi thực hiện chương trình GDPT 2018**

#### **-Thời cơ**

+ Giáo dục và Đào tạo được Đảng và Nhà nước quan tâm, tạo mọi điều kiện

cho sự phát triển.

+ Giáo dục Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, ngày một hiện đại và đạt được nhiều thành tích.

+ Khi chương trình GDPT 2018 được triển khai, nhà trường được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đầy đủ.

+ Nghị quyết 29-NQ/TW đã được tuyên truyền sâu rộng tới các tầng lớp xã hội và đang đi vào thực tiễn.

+ Các chế độ, chính sách đối với nhà giáo ngày một được quan tâm hơn.

### **- Thách thức**

+ Chương trình GDPT 2018 đặt ra nhiều thách thức với nhà trường: Có một số môn học và hoạt động mới dẫn tới cơ cấu giáo viên thay đổi, một số môn học có thừa giáo viên, thiếu giáo viên dạy các môn Mỹ thuật và Âm nhạc.

+ Các trường THPT trong tỉnh có sự cạnh tranh cao về mặt chất lượng và các hoạt động giáo dục. Nhu cầu xã hội và quá trình CNH, HĐH, hội nhập quốc tế sâu rộng đòi hỏi nhà trường phải điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

+ Sự quan tâm và kỳ vọng của cha mẹ học sinh, các cấp chính quyền và xã hội.

## **2. Thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường năm học 2022-2023**

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 72, trong đó: Cán bộ quản lý: 04; giáo viên 60; nhân viên: 08.

- Về cơ cấu, số lượng:

+ Cơ cấu giới tính: Nam  $25/72 = 34.72\%$  ; Nữ  $47/72 = 65.28\%$

+ Độ tuổi: Độ tuổi trung bình 38.23 tuổi.

- Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

Đội ngũ	Số lượng	Hiện có	Yêu cầu của CTGDPT 2018		
			Thừa	Thiếu	Cần bổ sung

<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>4</b>	0	0	0
<b>Tổ trưởng tổ chuyên môn</b>	7	0	0	0
<b>Tổ trưởng tổ văn phòng</b>	1	0	0	0
<b>Giáo viên</b>	<b>60</b>			
<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>32</b>			
Môn Ngữ văn	8	0	0	0
Môn Toán	10	2	0	0
Môn Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh)	7	0	1	1
Môn Giáo dục thể chất & QPAN	7	0	1	1
<b>Nhóm môn Khoa học xã hội</b>	<b>9</b>			
Môn Lịch sử	3	1	0	0
Môn Địa lí	4	2	0	0
Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	2	0	0	0
<b>Nhóm môn Khoa học Tự nhiên</b>	<b>12</b>			
Môn Vật lý	4	1	0	0
Môn Hóa học	6	3	0	0
Môn Sinh học	2	0	0	0
<b>Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật</b>	<b>7</b>			
Môn Công nghệ	4	2	0	0
Môn Tin học	3	1	0	0
Môn Âm nhạc	0	0	1	1
Môn Mĩ thuật	0	0	1	1
<b>Môn học tự chọn</b>	<b>0</b>			
Môn tiếng Dân tộc thiểu số	0	0	0	0
Môn Ngoại ngữ 2	0	0	1	1
<b>Nhân viên</b>	<b>8</b>	1	0	0
<b>Tổng</b>	<b>72</b>	<b>13</b>	<b>5</b>	<b>5</b>

**Nhận xét:** Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức

số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và yêu cầu của chương trình GDPT 2018, trong năm học 2022-2023 trở đi nhà trường thiếu 05 và thừa 12 giáo viên ( Theo cơ cấu môn học). Đội ngũ nhân viên thừa 01 đồng chí.

### **3. Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý**

#### **3.1. Thực trạng đội ngũ giáo viên**

##### **- Điểm mạnh**

+ Độ tuổi trung bình của giáo viên nhà trường ở độ tuổi trung bình, bình quân 35 tuổi, cơ cấu theo độ tuổi hợp lý và có tính kế thừa. Đa số giáo viên đều có trình độ, tay nghề tốt (trong đó có 09 trình độ Thạc sĩ)

+ Có khả năng thích ứng với chương trình GDPT 2018.

+ Cơ bản đội ngũ giáo viên nhà trường tâm huyết với nghề, có năng lực và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và khai thác thông tin.

+ 46/60 (76.67%) giáo viên tư vấn và hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và các hoạt động giáo dục.

+ 52/60 (86.67%) giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh.

##### **- Điểm tồn tại, hạn chế**

+ Số lượng: Thiếu 05 giáo viên.

+ Kinh nghiệm, khả năng thích ứng: Một số giáo viên có tâm lý ngại thay đổi, ít có khả năng thích ứng với phương pháp giảng dạy phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

+ 41/60 (68,33%) giáo viên sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế.

+ 9/60 (15%) giáo viên còn hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

+ Một số giáo viên chưa tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kết quả giảng dạy còn thấp so với yêu cầu.

#### **3.2. Thực trạng cán bộ quản lý**

### **- Điểm mạnh**

- + Đủ số lượng quản lý.
- + Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn 3/3 = 100%; Cao cấp lý luận chính trị: 1/4 = 25%. 100% cán bộ quản lý có chứng chỉ quản lý, trung cấp lý luận chính trị.
- + 100% cán bộ quản lý có khả năng ứng dụng CNTT trong quản lý.
- + Độ tuổi trung bình: 45 tuổi, đều có kinh nghiệm quản lý (trong đó có 02 đ/c có kinh nghiệm quản lý trên 5 năm); nhiệt tình, tâm huyết, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và đoàn kết trong nội bộ.
- + Kinh nghiệm, khả năng thích ứng: Cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong quản lý, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có khả năng thích ứng với chương trình GDPT 2018.
- + Tích cực đổi mới, sáng tạo, thích ứng trong lãnh đạo, quản trị nhà trường. Cán bộ quản lý có khả năng quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018.
- + Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học giáo dục đáp ứng CTGDPT 2018.
- + Tích cực phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh, huy động và sử dụng tốt các nguồn lực để phát triển nhà trường.
- + Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và lãnh đạo nhà trường thực hiện chương trình GDPT 2018.

### **- Điểm tồn tại, hạn chế**

- + Năng lực ngoại ngữ của một số cán bộ quản lý còn hạn chế. Một số đ/c kinh nghiệm quản lý chưa nhiều

## **3.3. Thực trạng đội ngũ nhân viên**

### **- Điểm mạnh**

- + Nhân viên kế toán có trình độ đào tạo đại học, nghiêm túc, chịu khó và lưu trữ hồ sơ tốt, đồng thời có khả năng thích ứng công nghệ thông tin trong nhiệm vụ.
- + Đội ngũ nhân viên xây dựng kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với

kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Đội ngũ trẻ kết hợp với đội ngũ có kinh nghiệm, tâm huyết, chịu khó và có trách nhiệm trong công việc.

**- Điểm tồn tại, hạn chế**

+ Một số nhân viên năng lực sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

+ Chưa sáng tạo và đi đầu trong công việc, đôi lúc còn thụ động.

+ Nhân viên thư viện chưa được đào tạo chuyên ngành thư viện.

**4. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong năm học 2022-2023**

- Đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý theo Thông tư 16/2017/BGD-ĐT để thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Bồi dưỡng giáo viên có năng lực dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, thực hiện tốt chương trình GDPT 2018.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý có năng lực quản trị nhà trường.

**III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

**1. Xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần bổ sung theo lộ trình thực hiện chương trình GDPT 2018 cấp THPT**

Các năm học trong giai đoạn 2021 -2025 nhà trường duy trì ổn định 30 lớp.

- Năm học 2021-2022 cơ bản đảm bảo đủ giáo viên dạy các môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình GDPT 2006 với lớp 10, 11, 12.

- Năm học 2022-2023 thực hiện chương trình GDPT 2018 với lớp 10. Năm học 2023-2024 thực hiện chương trình GDPT 2018 với lớp 11. Năm học 2024-2025 thực hiện chương trình GDPT 2018 với lớp 12. Đội ngũ giáo viên cơ bản đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng để đáp ứng chương trình GDPT 2018.

- Đảm bảo đủ cơ cấu nhân viên theo quy định: Nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị, thí nghiệm và công nghệ thông tin, nhân viên y tế, nhân viên văn thư, kế toán, thủ quỹ, lao công, bảo vệ.

Năm học		Số lượng hiện có	Số lượng cần bổ sung theo các năm học				Ghi chú
			2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026	
<b>Môn học</b>							
Cán bộ quản lý		4	0	0	0	0	
Tổ trưởng chuyên môn		7	0	0	0	0	
Tổ phó chuyên môn		8	0	0	0	0	
Tổ trưởng văn phòng		1	0	0	0	0	
<b>Tổng số giáo viên</b>		<b>61</b>	2	2	0	0	
<b>Môn học bắt buộc</b>							
Môn Ngữ văn		8	0	0	0	0	
Môn Toán		10	0	0	0	0	Thừa 1
Môn Ngoại ngữ 1		7	1	0	0	0	
Môn GDTC		6	1	0	0	0	Thừa 1
Môn GDQP&AN		1	1	0	0	0	
Môn Lịch sử		3	0	0	0	0	
<b>Nhóm môn học lựa chọn</b>	Địa lý	4	0	0	0	0	Thừa 1
	GD Kinh tế và pháp luật	2	0	0	0	0	
	Vật lí	5	0	0	0	0	
	Hóa học	6	0	0	0	0	Thừa 1
	Sinh học	3	0	0	0	0	
	Công nghệ	4	0	0	0	0	Thừa 2
	Tin học	3	0	0	0	0	Thừa 1

	Âm nhạc	0	1	0	0	0	
	Mĩ thuật	0	1	0	0	0	
<b>Môn học tự chọn</b>							
GV tiếng Dân tộc thiểu số		<b>0</b>	0	0	0	0	
GV Ngoại ngữ 2		<b>0</b>	1	1	0	0	
<b>Nhân viên</b>		<b>8</b>	0	0	0	0	

## **2. Mục tiêu chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2021-2025 đáp ứng chương trình GDPT 2018 cấp THPT**

- Đủ số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý thực hiện CTGDPT 2018.

- 100% giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn đào tạo, có năng lực dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

### **2.1. Đối với cán bộ quản lý**

- Số lượng, tỷ lệ CBQL đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo phần đầu đến năm 2022 là 2/4 đồng chí (chiếm 50%) đạt trình độ sau đại học. Đến năm 2025 là 3/4 (chiếm 75%).

- Số lượng CBQL có trình độ Cao cấp LLCT phần đầu đến năm 2023 là 2/4 đ/c (chiếm 50%).

- Đánh giá, phân loại chuẩn Hiệu trưởng hàng năm: Số lượng, tỷ lệ CBQL đạt mức Tốt là 4/4 (chiếm 100%).

- Đánh giá, phân loại viên chức hàng năm: Số lượng, tỷ lệ CBQL đạt mức Hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ là 4/4 (chiếm 100%).

- Mục tiêu năng lực CBQL đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018:

+ 4/4 CBQL đáp ứng tốt chương trình GDPT 2018 đạt 100%;

+ 4/4 CBQL có thể hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện triển khai CTGDPT 2018 đạt 100%;

+ 100% CBQL hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo thông

tư 18/2019/TT-BGDĐT;

+ 100% CBQL hoàn thành các chương trình bồi dưỡng thường xuyên do nhà trường, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định phối hợp tổ chức;

+ 100% CBQL được cử tham dự các chương trình bồi dưỡng CBQL CSGD; 3/4 CBQL được cử đi học tập nâng cao trình độ.

## **2.2. Đối với giáo viên**

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo: hiện tại 61/61 (100%) trong đó trên chuẩn có 10/61 giáo viên (16,39%); phân đầu đến năm 2024 có 12/61 GV có trình độ Thạc sỹ (19.67%); đến năm 2025 là 15/61 GV có trình độ Thạc sỹ (24.59%).

- Đánh giá, phân loại chuẩn giáo viên năm học 2021-2022: Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt mức khá 21/60(35%), mức tốt: 40/60 (65%).

- Kết quả đánh giá viên chức năm học 2021-2022: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 23/60(38.33%); hoàn thành tốt nhiệm vụ 37/60 (62.67%).

- Mục tiêu năng lực giáo viên đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018: 57/61 (93.44%) giáo viên đáp ứng tốt CTGDPT 2018; 50/61 (81.96%) giáo viên có thể hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện triển khai CTGDPT 2018.

- Phân đầu có 10/61 (16.39%) giáo viên tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng nhằm triển khai hiệu quả CTGDPT cấp trung học phổ thông.

- 100% giáo viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo thông tư 17/2019/TT-BGDĐT.

- 100% giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng thường xuyên do nhà trường, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định phối hợp tổ chức.

- Có khoảng 10/61 (16,39%) giáo viên được cử đi bồi dưỡng giáo viên cốt cán; có khoảng 6/61 (9.83%) giáo viên tham gia vào mạng lưới cốt cán.

- Có khoảng 04/61 (6.67%) giáo viên được cử đi học tập nâng cao trình độ.

## **2.3. Đối với nhân viên**

Số lượng, tỷ lệ nhân viên đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ: 8/8 (100%).

Kết quả đánh giá nhân viên hàng năm: hoàn thành tốt nhiệm vụ 6/8 (chiếm 75%), hoàn thành nhiệm vụ 2/8 (chiếm 25%).

#### **IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

##### **1. Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học phổ thông**

Tham mưu cho Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định để bổ sung đội ngũ giáo viên môn Âm nhạc và Mỹ Thuật và những môn còn thiếu giáo viên

Tham mưu cho Sở Giáo dục và Đào tạo điều động, luân chuyển giáo viên các bộ môn thừa/thiếu giữa các đơn vị để đảm bảo cơ cấu GV các môn học.

Tham mưu cho Sở Giáo dục và Đào tạo về đội ngũ đáp ứng vị trí việc làm của nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

##### **2. Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học phổ thông**

Rà soát số lượng, chất lượng, cơ cấu giáo viên của từng tổ nhóm chuyên môn để đánh giá mức độ đáp ứng theo số tiết các môn bắt buộc và số tiết theo đăng ký các môn lựa chọn của học sinh.

Hợp tổ, nhóm dự kiến phân công chuyên môn từng năm học. Sau đó, lãnh đạo nhà trường hợp phân công chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường. Ưu tiên phân công cho những giáo viên có khả năng đáp ứng tốt tham gia thực hiện chương trình mới trước.

##### **3. Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018**

###### **3.1. Lý luận chính trị**

Bao gồm các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, viên chức. Nhà trường xây dựng kế hoạch và cử CBQL, giáo viên dự bồi dưỡng theo Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cấp có thẩm quyền.

###### **3.2. Kiến thức quốc phòng và an ninh**

Bao gồm các chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo

tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, viên chức. Nhà trường lập kế hoạch và cử CBQL, giáo viên dự bồi dưỡng theo kế hoạch của các cấp quản lý được phân cấp theo thẩm quyền.

### **3.3. Kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ; đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; kiến thức hội nhập quốc tế**

#### ***3.3.1. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên***

Thực hiện theo Kế hoạch số 1489/KH-SGDĐT ngày 23/11/2017 của Sở GD&ĐT; Công văn số 227/UBND-VP8 ngày 29/5/2018 về việc giao nhiệm vụ cho Sở GD&ĐT tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập. Hàng năm, thực hiện theo công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

#### ***3.3.2. Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục***

Thực hiện theo Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2012. Nhà trường căn cứ vào quy hoạch cán bộ quản lý và kế hoạch phát triển đội ngũ để lập kế hoạch, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để cử cán bộ đi học. Hàng năm, thực hiện theo công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

#### ***3.3.3. Bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) cho cán bộ quản lý, giáo viên***

Thực hiện theo Chương trình BDTX được ban hành kèm theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hàng năm, thực hiện theo công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

#### ***3.3.4. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ***

Bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ theo Chuẩn nghề nghiệp và theo yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng cập nhật kiến thức thường xuyên hoặc đột xuất. Hàng năm, thực hiện theo công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

### **3.4. Bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ**

Theo tiêu chuẩn quy định mới của Bộ GD&ĐT đối với từng chức danh nghề nghiệp viên chức, yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của cán bộ, viên chức.

### **4. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nền nếp sinh hoạt chuyên môn, đa**

## **dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018**

Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

Nhà trường tổ chức phân công chuyên môn đầu năm cho cán bộ, giáo viên dựa trên các tiêu chí sau: Mặt bằng lao động; Năng lực chuyên môn và nguyện vọng của giáo viên. Quy trình tổ chức phân công: Giáo viên đề xuất nguyện vọng; Tổ phân công và thảo luận tại tổ; Ban giám hiệu duyệt. Việc phân công giáo viên phải đảm bảo tính khoa học, công bằng.

Xây dựng kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục theo hướng sắp xếp lại các bài học trong sách giáo khoa thành bài học theo chủ đề phù hợp với các chủ đề tương ứng trong chương trình, xây dựng một số bài học theo chủ đề liên môn đối với những kiến thức giao thoa giữa các môn học, tạo thuận lợi cho việc thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập của học sinh theo phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện ở trong và ngoài lớp học, trong đó có các nhiệm vụ học tập có thể giao cho học sinh thực hiện ở nhà hoặc qua mạng, xây dựng kịch bản ứng phó với dịch bệnh Covid-19 và các tình huống bất thường khác. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục cho học sinh khuyết tật.

Thực hiện giảng dạy các môn theo Hướng dẫn giảng dạy bộ môn. Nhà trường xây dựng khung chương trình cho các môn học gồm các tiết chính khóa và các tiết tự chọn. Tổ chức cho học sinh đăng ký môn học tự chọn để sắp xếp lớp cho phù hợp.

Triển khai Kế hoạch ôn thi tốt nghiệp THPT cho học sinh lớp 12 ngay từ đầu năm học, sắp xếp thời lượng hợp lý cho những nội dung trong chương trình lớp 10 và lớp 11, tập trung vào nội dung thuộc chương trình lớp 12; chú trọng giúp đỡ học sinh yếu; tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi. Đồng thời quan tâm, phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi theo đặc thù từng môn.

Thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; tăng cường việc kiểm tra giám sát việc thực hiện quy định chuyên môn.

Tổ trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn cho tổ trước tháng 10. Trong kế hoạch phải thể hiện được các nội dung sau: Xây dựng chuyên đề dạy học theo chủ đề, dạy học STEM, nội dung sinh hoạt chuyên môn của tổ, phân công nhiệm vụ cho các thành viên của tổ, nhiệm vụ trọng tâm, các chỉ tiêu cụ thể của năm học.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án ngoại ngữ 2020 và triển khai dạy chương trình tiếng Anh hệ 10 năm với lớp 10, 11 và 12. Bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo. Duy trì ổn định và phát huy hiệu quả của việc dạy tiếng Anh với người nước ngoài. Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh theo chuẩn đầu ra; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 93/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia giai đoạn 2019-2025; tăng cường các hoạt động xây dựng môi trường học ngoại ngữ, các cuộc thi, hội thi, câu lạc bộ ngoại ngữ; tổ chức tốt Hội thi Hùng biện tiếng Anh cấp trường, tập trung bồi dưỡng học sinh tham gia Hội thi Hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh.

Sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực (dạy học theo định hướng STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, nhân rộng mô hình về giáo dục STEM, ngày hội STEM, dạy học gắn liền với sản xuất kinh doanh...) nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học sinh, hình thành và phát triển năng lực tự học, trên cơ sở đó trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo của học sinh.

Khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia các diễn đàn (online hoặc offline) chuyên môn để tăng cường giao lưu, hợp tác không ngừng mở rộng kiến thức, tiếp thu các phương pháp dạy học hiện đại bồi đắp năng lực chuyên môn.

Tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh.

Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; đẩy mạnh việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng hoạt động giáo dục trải nghiệm, phát huy năng lực sáng tạo, nâng kỹ năng thích ứng với

cuộc sống cho học sinh.

Đổi mới phương pháp dạy học được thực hiện thông qua tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục. Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, chú trọng tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm hợp lý, rèn luyện kỹ năng tự học, tạo điều kiện cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo, phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên trong tổ chức quá trình dạy học.

Chú trọng việc dạy học sinh thực hành trong giờ chính khóa, đảm bảo cân đối giữa việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho học sinh, chú trọng liên hệ thực tế phù hợp với nội dung bài học, khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc, tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị phù hợp với nội dung bài học.

Mỗi môn có 1 sản phẩm về Dạy học theo chủ đề tích hợp. Mỗi tổ chuyên môn có ít nhất 4 sản phẩm/HK về sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề dạy học và có 4 sản phẩm/HK về sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Triển khai dạy Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra giáo viên theo kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đột xuất để có cơ sở đánh giá, xếp loại giáo viên cuối năm học.

Tổ chức hội thảo chuyên môn cấp trường giao cho một tổ chủ trì sau đó triển khai tới tất cả các tổ, nhóm chuyên môn trong nhà trường. Tổ chức và tham gia hội thảo chuyên môn, phong trào theo cụm trường THPT.

Chuẩn hóa các quy định về nhiệm vụ của tổ trưởng thực hiện trong năm học; chuẩn hóa các loại hồ sơ, sổ sách của tổ chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên và các loại sổ sách chung của nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

Giải pháp nâng cao chất lượng đại trà dựa trên việc nâng cao chất lượng giờ học (chính khóa, dạy thêm...) của tất cả các bộ môn: Quy định nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị, của lãnh đạo tổ chuyên môn trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, công

tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; Công tác chuẩn bị bài của giáo viên; Công tác tổ chức tiết dạy của giáo viên; Sử dụng có hiệu quả các thiết bị hỗ trợ dạy học (máy chiếu, dụng cụ thực hành...) đặc biệt là công nghệ thông tin trong các giờ dạy, đưa vào sử dụng có hiệu quả các phần mềm hỗ trợ dạy học, tăng cường kênh hình, kênh tiếng.

Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo nội dung của phong trào Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực nhằm đảm bảo tính linh hoạt về hình

### **5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018 cấp trung học phổ thông**

Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường cùng thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 10 năm học 2022-2023, lấy kinh nghiệm để triển khai các lớp tiếp theo thông qua các hoạt động như: tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục về đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực, về phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học...

Kết hợp cộng đồng học tập giữa các trường trong cùng huyện để hỗ trợ nhau phát triển chuyên môn thông qua hình thức sinh hoạt chuyên môn theo cụm.

Tổ chức học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành, nhà trường và các văn bản khác. Nhà trường triển khai và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị về việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các cuộc vận động của ngành và phong trào thi đua.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 4/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; Tăng cường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng cho học sinh; Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; Công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông, công tác xã hội trong trường học.

Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng chống tham nhũng, đạo đức liêm chính; chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường.

Tổ chức và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, nâng cao năng lực và phẩm chất học sinh thực hiện theo Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/2/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Giáo dục đạo đức, đức tính trung thực, giáo dục nếp sống văn hóa, giao tiếp văn minh, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau, biết bảo vệ cái đúng, cái đẹp đấu tranh chống những cái sai, xấu.

Giáo dục lý tưởng, động cơ thái độ học tập đúng đắn: học để biết, học để hành động đúng, học để khẳng định mình, học để hòa nhập với cộng đồng. Chú trọng giáo dục truyền thống nhà trường gắn với truyền thống địa phương. Thành lập các Ban như: Ban đức dục, Ban nền nếp, Ban triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, các cuộc vận động, các phong trào thi đua. Các Ban xây dựng kế hoạch được Ban giám hiệu duyệt, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả. Tổ chức tập huấn giáo viên chủ nhiệm lớp, thi giáo viên chủ nhiệm giỏi. Thực hiện phương pháp kỹ thuật tích cực với học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với Đoàn trường quản lý học sinh, tổ chức diễn đàn thanh niên với chủ đề thiết thực hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giữ gìn an ninh trật tự trường học, tăng cường hơn nữa vai trò các hoạt động tại chỗ, đặc biệt là vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đặc biệt là

chính quyền các phường công an huyện.

Thành lập tổ tư vấn học học đường được gồm 01 tổ trưởng (do 01 Phó Hiệu trưởng ) nhà trường phụ trách và một số thành viên. Tổ tư vấn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện trực liên tục trong thời gian có học sinh đến trường.

Xác định rõ vai trò của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trong việc phát hiện những học sinh có vấn đề về sức khỏe tinh thần, biểu hiện tâm lý bất bình thường để có những biện pháp phối hợp giữa: Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, lãnh đạo nhà trường, tổ tư vấn học đường, đoàn trường và gia đình trong việc xử lý những học sinh có vấn đề sức khỏe tinh thần. Quan tâm, phát hiện kịp thời những học sinh có vấn đề về tâm lý, giúp đỡ học sinh vượt qua khủng hoảng tinh thần, ổn định tâm lý, phấn đấu không để học sinh phải nghỉ học do vấn đề sức khỏe tinh thần.

Thực hiện tốt công tác xã hội thông qua các cơ quan, đoàn thể để giáo dục truyền thống, pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, tổ chức ký cam kết bài trừ ma túy, các tệ nạn xã hội, giữ trật tự an toàn giao thông, văn hóa ứng xử khi sử dụng các trang mạng xã hội. Phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội thông qua giáo dục học sinh cá biệt.

Phát động các cuộc thi sáng tác theo chủ đề: Ca ngợi Đảng, Bác Hồ, quê hương đất nước, mái trường, thầy trò nhân dịp kỷ niệm ngày 20/10, 20/11 22/12, 08/03 và 26/3.

Tuyên truyền, tham gia thăm hỏi động viên tặng quà các gia đình chính sách, tham gia giúp đỡ các bạn khó khăn trong và ngoài lớp. Tuyên truyền, vận động học sinh tham gia các loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm Y tế, bảo Việt...

Phát huy hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường đạt hiệu quả. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các lớp thường xuyên tổ chức giao ban, rút kinh nghiệm.

Đổi mới đa dạng hình thức sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm phát huy năng lực của học sinh.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm phù hợp với tình hình của nhà trường

và học sinh, gắn việc lĩnh hội kiến thức kỹ năng với giải quyết các nhiệm vụ cụ thể mang tính thực tiễn. Giao cho các Phó Hiệu trưởng phụ trách học sinh và các hoạt động trải nghiệm lên kế hoạch và tổ chức thực hiện.

**6. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ.**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và thực hiện tốt pháp luật về thanh tra, pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, tiếp công dân và phòng chống tham nhũng. Xây dựng thư viện pháp luật nhằm tăng cường tốt hơn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ và học sinh.

Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ CBGV, NV thông qua hình thức dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất... từ đó xác định được nhân sự nào cần được đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng ở lĩnh vực nào để phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của nhà trường.

Hàng tháng, nhà trường họp đánh giá xếp loại CBGV, NV trên cơ sở đánh giá chất lượng hoàn thành công việc được giao và kịp thời xử lý vi phạm( nếu có).

Thực hiện công khai, minh bạch; kê khai tài sản thu nhập theo đúng luật. Nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, tập trung vào các khoản thu, chi, sử dụng tài sản công.

Giao cho đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chịu trách nhiệm lên kế hoạch kiểm tra chất lượng các bộ môn theo đợt.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế chuyên môn; kiểm tra thu, chi tài chính; kiểm tra dạy thêm, học thêm; kiểm tra nề nếp học sinh...

Phân công tổ chuyên môn, giáo viên kiểm tra giáo viên theo quy định.

Ban thanh tra nhân dân, các tổ chức và các ban trong nhà trường kiểm tra hoạt động của nhà trường, các ban ngành đoàn thể và giáo viên theo kế hoạch đã đề ra.

## **7. Tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Tạo được động lực cho cán bộ, viên chức làm việc là làm cho họ muốn làm việc chứ không phải bị buộc phải làm việc. Tạo được động lực làm việc là dẫn dắt đội ngũ đạt được mục tiêu công việc đề ra với nỗ lực lớn nhất. Để đội ngũ đạt được hiệu quả công việc tốt nhất, người Hiệu trưởng phải khơi nguồn động cơ và xây dựng một hệ thống động viên hiệu quả để tạo động lực cho đội ngũ làm việc. trong đó tôi chọn một số cách thức, yếu tố tạo động lực cho đội ngũ như sau:

Nêu rõ mục tiêu và nhiệm vụ công việc để mỗi cán bộ, viên chức thấy rõ nhiệm vụ, trọng trách của mình, đồng thời xác định được nội dung công việc cần phải đạt được mà từ đó nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao.

Phân công việc một cách công bằng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: Đối với giáo viên, cố gắng nghiên cứu để phân công đảm bảo đủ số tiết dạy theo qui định định mức cho mỗi giáo viên của Bộ GD-ĐT. Đối với nhân viên, tùy theo nhiệm vụ chuyên môn và điều kiện của từng người mà phân công khối lượng công việc tương đối công bằng và hợp lý để họ không nảy ra tư tưởng so bì, tỵ nạnh mà yên tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ công việc của mình được phân công.

Hỗ trợ, cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường làm việc thân thiện, hợp lý cho giáo viên và nhân viên: Với khả năng kinh phí có được, tích cực mua sắm, trang trí phòng học, trang bị đầy đủ bàn ghế, điện, quạt... quan tâm mua sắm đầy đủ SGK, SGV, tài liệu dạy học, đồ dùng, trang thiết bị dạy học. Đồng thời tạo mối quan hệ, gắn kết chặt chẽ giữa giáo viên, giữa nhà trường với gia đình học sinh và xã hội. Với vai trò trung gian và lãnh đạo của người Hiệu trưởng xây dựng khối đoàn kết, gắn bó và nhiệt tình giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, đời sống sinh hoạt hằng ngày trong tổ văn phòng, trong bộ phận nhân viên nhà trường. Tất cả tạo ra một môi trường dạy học, làm việc thân thiện, thoải mái đem lại hiệu quả cao.

Tạo cơ hội cho giáo viên, nhân viên tham gia xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác nhà trường: Trong nhà trường, luôn phát huy cao tính dân chủ, trách nhiệm đối với đội ngũ, thực hiện nề nếp kế hoạch hoá đối với từng cán bộ, viên chức, từng tổ, bộ phận trong nhà trường; mọi kế hoạch công tác trong nhà trường đều được sự

đóng góp, xây dựng từ mỗi cá nhân, đến các tổ, bộ phận, tổ chức, đoàn thể nhà trường và được thông qua Hội đồng sư phạm nhà trường thống nhất cao khi tiến hành tổ chức thực hiện.

Khẳng định thành tích và biểu dương khen thưởng kịp thời, luôn quan tâm đề cao và tôn trọng sự hy sinh, cố gắng, nỗ lực của từng cá nhân cán bộ, viên chức và của từng tập thể nhà trường dù thành tích là nhỏ, dù chỉ là một lời khen ngợi, một lời động viên khích lệ. Đồng thời, luôn tận dụng mọi nguồn kinh phí có được để động viên khen thưởng cho cá nhân và tập thể đạt được những thành tích trong phong trào thi đua và các hoạt động nhà trường, tạo ra được động lực mạnh mẽ cho cán bộ viên chức tiếp tục phấn đấu giành lấy những thành tích cao hơn.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÁP**

**1. Tổ chức thực hiện phân công chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học phổ thông:**

- Theo Quyết định và bảng phân công chuyên môn năm học 2022-2023

**2. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng chương trình GDPT 2018**

- Thực hiện theo Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên CBQL, GV năm học 2022-2023

- Xây dựng kế hoạch cử CBQL, GV, NV báo cáo Sở GD&ĐT cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018

- Tổ chức đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo các Thông tư và văn bản hướng dẫn

- Tổ chức đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm theo qui định và các văn bản hướng dẫn.

## **VI. PHÂN BỐ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**1. Nguồn lực ngoài nhà trường**

Hiệu trưởng tham mưu với UBND tỉnh Nam Định, UBND huyện Hải Hậu,

Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về các điều kiện, nguồn lực để nhà trường thực hiện triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đặc biệt là các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng CT GDPT 2018.

Phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng ngoài nhà trường: các cựu học sinh, các mạnh thường quân... vận động quyên góp ủng hộ tài chính, vật chất, tinh thần cho nhà trường, hỗ trợ các học sinh vượt khó vươn lên trong học tập.

Phối hợp với các cơ sở đào tạo: Cử giáo viên đi tập huấn, học tập đạt chuẩn và nâng chuẩn.

Phối hợp với các trường trong cụm trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, đặc biệt với các giáo viên bộ môn mới và môn có số lượng ít giáo viên trong nhà trường như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Công nghệ, Tin học...

Tích cực tuyên truyền tới cha mẹ học sinh và nhân dân về CT GDPT 2018, để phụ huynh và nhân dân có nhận thức đúng đắn về việc triển khai CT GDPT 2018. Coi đây là nhiệm vụ tất yếu trong giai đoạn hiện nay để tranh thủ sự ủng hộ của phụ huynh và nhân dân.

## **2. Nguồn lực trong nhà trường**

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý nhà trường học tập chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018, mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường phải là một nhà tuyên truyền tới nhân dân về việc thực hiện CT GDPT 2018.

Phối hợp với công đoàn trường động viên giáo viên, nhân viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, đáp ứng năng lực thực hiện CT GDPT 2018.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn tổ chức, triển khai tập huấn cho giáo viên nghiên cứu chương trình GDPT tổng thể 2018 và các bộ môn mới.

Dự toán ngân sách đầu tư cho bồi dưỡng giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý đáp ứng thực hiện CT GDPT 2018.

Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất hiện có, tu sửa nâng cấp các hạng mục để đáp ứng thực hiện CT GDPT 2018.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN**

## **KẾ HOẠCH**

### **1. Tổ chức thực hiện**

#### **a. Hiệu trưởng**

Xây dựng Kế hoạch tổng thể, phân công đội ngũ thực hiện kế hoạch.

#### **b. Các phó hiệu trưởng**

Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng theo thẩm quyền. Chủ động xây dựng kế hoạch của cá nhân để thực hiện CT GDPT theo kế hoạch của tổ/nhóm chuyên môn và của nhà trường.

Tham gia tập huấn đầy đủ và có chất lượng các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên môn do trường và các cấp quản lý tổ chức; chủ động trao đổi các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện CT GDPT.

Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; phát hiện những thuận lợi, khó khăn và kịp thời đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn.

Tích cực truyền thông tới cha mẹ học sinh và xã hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông để cha mẹ học sinh và xã hội hiểu rõ hơn về việc đổi mới CT GDPT nói riêng và đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nói chung.

#### **c. Các tổ chuyên môn và các bộ phận khác**

Thực hiện lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch cấp bộ môn.

Xây dựng kế hoạch triển khai CT GDPT của tổ/nhóm chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường; dự báo những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp giải quyết khó khăn khi thực hiện CT GDPT.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện CT GDPT.

Thường xuyên giám sát, hỗ trợ công việc của các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc và đề xuất với nhà trường các biện pháp xử lý. Tổng hợp ý kiến và báo cáo lãnh đạo nhà trường trong quá trình thực hiện CT GDPT.

#### **d. Giáo viên, nhân viên**

Thực hiện nhiệm vụ, giám sát, đánh giá và góp ý cho kế hoạch.

Chủ động xây dựng kế hoạch của cá nhân để thực hiện CT GDPT theo kế hoạch của tổ/nhóm chuyên môn và của nhà trường.

Tham gia tập huấn đầy đủ và có chất lượng các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên môn do trường và các cấp quản lý tổ chức; chủ động trao đổi các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện CT GDPT.

Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; phát hiện những thuận lợi, khó khăn và kịp thời đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn.

Tích cực tự làm thiết bị dạy học và xây dựng học liệu điện tử của môn học, hoạt động giáo dục theo phân công của tổ/nhóm chuyên môn trong thực hiện CT GDPT.

Tích cực truyền thông tới cha mẹ học sinh và xã hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông để cha mẹ học sinh và xã hội hiểu rõ hơn về việc đổi mới CT GDPT nói riêng và đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nói chung.

#### **2. Giám sát, hỗ trợ thực hiện kế hoạch**

##### **a. Phân công nhiệm vụ giám sát**

Ban giám hiệu: Giám sát chung việc thực hiện kế hoạch đã đề ra, từ đó có biện pháp hỗ trợ, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.

Tổ chuyên môn: Giám sát việc thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn và giáo viên, từ đó đề xuất các biện pháp hỗ trợ, kiến nghị.

Cá nhân giáo viên, nhân viên: Thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn, nhà trường.

##### **b. Nội dung giám sát**

Số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường THPT đáp ứng CTGDPT 2018.

Chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường THPT đáp ứng CTGDPT 2018.

Các giải pháp và hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

### **c. Tần suất và báo cáo giám sát, đánh giá**

Định kì: 01 lần/học kì.

Đợt xuất: Không báo trước.

## **VIII. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH**

Căn cứ mục tiêu của kế hoạch đã đề ra để đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Căn cứ giải pháp của kế hoạch đã đề ra để đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Thường xuyên kiểm tra rà soát việc thực hiện kế hoạch để có những điều chỉnh nếu cần: Mỗi cá nhân tự quản lý việc thực hiện kế hoạch của mình và tự giám sát công việc của mình đến kết quả cuối cùng; Nhà trường hoặc tổ có các đợt giám sát định kỳ hoặc bất thường, phát hiện kịp thời các vấn đề mới phát sinh để có biện pháp hỗ trợ, hoặc các quyết định bổ sung, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân hoàn thành kế hoạch, khắc phục kịp thời những sai sót ngay trong quá trình thực hiện.

Định kỳ có báo cáo sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm về những công việc đã triển khai, chỉ rõ những việc đã làm tốt, những việc làm chưa được, nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

Trên đây là kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý trường THPT C Hải Hậu giai đoạn 2022-2023 và những năm tiếp theo. Đề nghị các đồng chí Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, giáo viên và nhân viên thực hiện theo Kế hoạch. Mọi khó khăn, vướng mắc đề nghị trao đổi trực tiếp với Hiệu trưởng để có biện pháp điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

### ***Nơi nhận:***

- Sở GD&ĐT;
- Các PHT, TTCM, GV, NV;
- Các đoàn thể;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Chiểu**

**PHỤ LỤC KÈM THEO KẾ HOẠCH**

**Bảng 1. MỤC TIÊU CƠ CẤU ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG C HẢI HẬU  
ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC 2018 GIAI ĐOẠN 2020-2025**

Đội ngũ	Số lượng hiện có	Giới tính		Số lượng giáo viên cần bổ sung (ghi rõ năm cần bổ sung) <sup>1</sup>								Ghi chú
				Độ tuổi				Trình độ đào tạo				
		Nam	Nữ	Dưới 25	25- dưới 35	35 45	Trên 45	Dưới ĐH	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	
<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	
Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	3	2	1	0	0	2	1	0	2	1	0	
<b>Giáo viên</b>	<b>61</b>	<b>17</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>40</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>51</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	
Ngữ văn	8	0	8	0	1	5	2	0	7	1	0	
Toán	10	5	5	0	2	7	1	0	10	0	0	
Ngoại ngữ 1	7	0	7	0	2	5	0	0	6	1	0	
Giáo dục thể chất	6	3	3	0	1	5	0	0	6	0	0	

GD an ninh và quốc phòng		1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	
Nhóm môn KHXH	KT&PL	2	1	1	0	0	1	1	0	2	0	0	
	Lịch sử	3	1	2	0	0	1	2	0	2	1	0	
	Địa lý	4	0	4	0	1	3	0	0	4	0	0	
Nhóm môn KHTN	Vật lý	4	2	2	0	1	1	2	0	3	1	0	
	Hóa học	6	3	3	0	1	4	1	0	3	2	0	
	Sinh học	2	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	
Nhóm môn Công nghệ và nghệ thuật	Công nghệ	4	0	4	0	0	3	1	0	4	0	0	
	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tin học	3	1	2	0	1	2	0	0	2	1	0	
	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tiếng dân tộc thiểu số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Ngoại ngữ 2		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>Nhân viên</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
Thư viện		1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	
Thiết bị, thí nghiệm		1	0	1	0	1	0	0	1	0	0	0	
Công nghệ thông tin		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Kế toán		1	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	
Thủ quỹ		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Văn thư	1	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	
Y tế	1	0	1	0	1	0	0	1	0	0	0	
Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

**Bảng 2: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CBQL**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Vị trí việc làm</b>	<b>Nhiệm vụ chính</b>	<b>Kiểm nhiệm</b>	<b>Số tiết/ tuần</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Văn Chiêu	Hiệu trưởng	CBQL	BTCB	17	
2	Lưu Văn Bình	Phó Hiệu trưởng	CBQL	PBTCB, TVTL	17	
3	Trần Văn Thọ	Phó Hiệu trưởng	CBQL	GV	17	
4	Phạm Thị Nga	Phó Hiệu trưởng	CBQL	GV	17	
5	Nguyễn Trung Thông	GV dạy Lịch sử	GV dạy Lịch sử	CTCĐ	17	
6	Trần Văn Hiến	GV dạy Toán	GV dạy Toán	Tổ trưởng, GVCN	17	
7	Phạm Thị Hằng	GV dạy Địa lí	GV dạy Địa lí	Tổ trưởng, GVCN	17	
8	Vũ Anh Tuấn	GV dạy Thể dục	GV dạy Thể dục	Tổ trưởng	17	
9	Lê Thị Hiên	GV dạy Tiếng Anh	GV dạy Tiếng Anh	Tổ trưởng, Quản lý phòng học BM	17	
10	Lê Tiến Thành	GV dạy Vật lý	GV dạy Vật lý	Tổ trưởng, GVCN	17	
11	Trần Thị Nụ	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	Tổ trưởng, GVCN	17	
12	Vương Thị Xuyên	GV dạy Hóa học	GV dạy Hóa học	Tổ trưởng, GVCN	17	

13	Nguyễn Văn Hùng	GV dạy Thể dục	GV dạy Thể dục	GVCN, TNST	17	
14	Trần T. Thuý Loan	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	GVCN	17	
15	Lê Thị Thanh Mỹ	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN	17	
16	Đặng Thanh Thuận	GV dạy Hóa học	GV dạy Hóa học	GVCN, HNDN	17	
17	Lại Văn Trường	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN	17	
18	Hoàng Xuân Hà	GV dạy Vật lý	GV dạy Vật lý	GVCN, HNDN	17	
19	Nguyễn Thị Thu Hoài	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	GVCN	17	
20	Nguyễn Thị Hoài	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	GVCN	17	
21	Nguyễn Diệu Hiền	GV dạy Lịch sử	GV dạy Lịch sử	PCTCĐ, TKHĐ	17	
22	Vũ Thị Chiêu	GV dạy Thể dục	GV dạy Thể dục	GVCN, TNST	17	
23	Mai Thu Trang	GV dạy Thể dục	GV dạy Thể dục	GVCN, TNST	17	
24	Trần T Ngọc Lan	GV dạy Công nghệ	GV dạy Công nghệ	GVCN, HNDN	17	
25	Nguyễn Văn Định	GV dạy KT&PL	GV dạy KT&PL	GVCN, TNST	17	
26	Bùi Thị Vũ Hoài	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN	17	
27	Đỗ Thị Đượm	GV dạy Tiếng Anh	GV dạy Tiếng Anh	GVCN	17	

28	Đinh Văn Vang	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN, TTND	17	
29	Vũ Thị Hồng	GV dạy Hóa học	GV dạy Hóa học	GVCN, TNST	17	
30	Phạm Thanh Hải	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN, Giáo vụ	17	
31	Vũ. T. Thanh Tâm	GV dạy Tiếng Anh	GV dạy Tiếng Anh	GVCN	17	
32	Trần Thị Duyên	GV dạy Hóa học	GV dạy Hóa học	GVCN, TNST	17	
33	Nguyễn Thị Huệ	GV dạy Lịch sử	GV dạy Lịch sử	GVCN, TNST	17	
34	Nguyễn Thị Thuý	GV dạy Sinh học	GV dạy Sinh học	GVCN, TNST	17	
35	Đỗ Thuỳ Vân	GV dạy KT&PL	GV dạy KT&PL	GVCN, TNST	17	
36	Bùi Thị Dung	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN	17	
37	Trần Đức Hiếu	GV dạy Hóa học	GV dạy Hóa học	GVCN, TNST	17	
38	Phạm Thị Thu Hiền	GV dạy Địa lí	GV dạy Địa lí	GVCN, TNST	17	
39	Trần Thị Minh The	GV dạy Địa lí	GV dạy Địa lí	GVCN, TNST	17	
40	Bùi Văn Quảng	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN	17	
41	Nguyễn Thị Luyến	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	GVCN	17	
42	Phạm Thị Thuý	GV dạy Công nghệ	GV dạy Công nghệ	GVCN, HNDN	17	

43	Lê Ánh Tuyết	GV dạy Địa lí	GV dạy Địa lí	GVCN, TNST	17	
44	Phạm Thị Ngọt	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN	17	
45	Trần Thị Duyên	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	GVCN	17	
46	Phan Ngọc Tuân	GV dạy GDQP-AN	GV dạy GDQP-AN	GVCN, TNST	17	
47	Nguyễn Thị Trang	GV dạy Tin học	GV dạy Tin học	GVCN, TNST	17	
48	Phạm Thị Thơm	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	GVCN	17	
49	Đinh Thị Tuyết Mai	GV dạy Tin học	GV dạy Tin học	GVCN, TNST	17	
5	Lê Thị Khuyên	GV dạy Vật lý	GV dạy Vật lý	GVCN, TNST	17	
51	Nguyễn Thị Nguyệt	GV dạy Thể dục	GV dạy Thể dục	GVCN, TNST	17	
52	Trịnh Thị Vân	GV dạy Tiếng Anh	GV dạy Tiếng Anh		17	
53	Nguyễn Thị Ngọc	GV dạy Công nghệ	GV dạy Công nghệ	GVCN, HNDN	17	
54	Trần Văn Ban	GV dạy Tin học	GV dạy Tin học	PBTĐT	17	
55	Trần Thị Nhung	GV dạy Toán	GV dạy Toán	GVCN	17	
56	Trần Văn Quế	GV dạy Thể dục	GV dạy Thể dục	BTĐT	17	
57	Mai Thị Nhung	GV dạy Sinh học	GV dạy Sinh học	GVCN, TNST	17	

58	Đỗ Thị Thanh Thuỷ	GV dạy Công nghệ	GV dạy Công nghệ	GVCN, HNDN	17	
59	Nguyễn Thị Quý	GV dạy Vật lý	GV dạy Vật lý	GVCN, TNST	17	
60	Phạm Thị Ninh	GV dạy Tiếng Anh	GV dạy Tiếng Anh	GVCN	17	
61	Vũ Thị Nhung	GV dạy Tiếng Anh	GV dạy Tiếng Anh	GVCN	17	
62	Vũ Thị Hạnh	GV dạy Ngữ văn	GV dạy Ngữ văn	GVCN	17	
63	Hoàng Thị Hà Xuyên	GV dạy Tiếng Anh	GV dạy Tiếng Anh	GVCN	17	
64	Nguyễn Thành Đạt	GV dạy Hóa học	GV dạy Hóa học	GVCN, TNST	17	

**Bảng 4: KHUNG KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG GV, NV, CBQL**

TT	Nội dung công việc	Thời gian (từ... đến...)	Địa điểm	Người phụ trách/ tham gia	Kết quả cần đạt	Cách thực hiện	Ghi chú
1	Lý luận chính trị	2020 - 2025	- Trường - Huyện - Tỉnh, TW	- CBQL, GV, NV	- 100% CBQL đạt Cao cấp CT - 10 GV Trung cấp CT - 100% GV bồi	- Cử học Cao cấp, TCCT - Bồi dưỡng theo lịch của BTV Huyện ủy, Chi bộ	

					đưỡng CT	trường	
2	Chuyên môn, nghiệp vụ	2020 - 2023	- Tỉnh, Huyện, Trường	- Tất cả CBQL, GV, NV	- 100% CBQL, GV tham gia các lớp Bồi dưỡng CM, NV - Đổi mới SHCM, PP, HT dạy học, KTĐG...	- Cử CBQL, GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng CM, NV do Sở GDĐT, nhà trường tổ chức	
3	Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	2020 - 2025	- Tỉnh, Trường	- CBQL, GV, NV	- Khoảng 2 CBQL đạt GV THPT hạng I. - Khoảng 50% CBQL, GV đạt GV THPT hạng II	- Cử CBQL, GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN do Sở GDĐT và các trường Đại học tổ chức	
4	Bồi dưỡng thường xuyên	2020-2025	- Bộ, Sở GDĐT, Trường	Tất cả CBQL, GV, NV	100% CBQL, GV tham gia	- Tham gia chương trình tập huấn, bồi dưỡng của Bộ, Sở GDĐT, trường tổ chức	

5	Kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ	2020-2025	- Bộ, Sở GDĐT, Trường	Tất cả CBQL, GV, NV	100% CBQL, GV tham gia	- Tham gia chương trình tập huấn, bồi dưỡng của Bộ, Sở GDĐT, trường tổ chức	
6	Học sau đại học, nghiên cứu sinh	2020-2025	Các trường Đại học, học viện	CBQL, GV, NV	Khoảng 10 CBQL, GV học sau đại học	Học sau đại học	
7	Tin học, ngoại ngữ	2020-2025	Các trường Đại học, trung tâm ngoại ngữ, tin học	CBQL, GV, NV	- Trên 90% CBQL, GV có Chứng chỉ tin học UDCB - Khoảng 50% CBQL, GV có chứng chỉ Ngoại ngữ	- Cử CBQL, GV, NV tham gia - Tự túc học	
8	Quốc phòng, an ninh	2020-2025	Các trường Đại học, Tỉnh đội, Huyện đội	CBQL, GV, NV	- Cử 4 đ/c tham gia học tập, bồi dưỡng kiến thức GDQP-AN	- Cử người tham gia - Tự học nâng cao trình độ	



**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG**

ftn1

- Số lượng lớp học: 30      - Số lượng giáo viên: 60      - Số lượng tổ chuyên môn: 07  
 - Số lượng học sinh: 1167      - Số lượng nhân viên:      - Tỷ lệ giáo viên/ lớp: 2.166  
 - Sĩ số học sinh/lớp: 38.93      - Số lượng cán bộ quản lý: 04

<b>B. THÔNG TIN CHI TIẾT</b>													
TT	Đối tượng đánh giá	Số lượng	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ đào tạo			Ghi chú
			Nam	Nữ	Dưới 25	Từ 25 đến dưới 35	Từ 35 đến dưới 45	Từ 45 đến dưới 50	Trên 50	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	
<b>Cán bộ quản lý</b>													
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	
2	Phó hiệu trưởng	3	2	1	0	0	2	0	1	0	3	0	
<b>Giáo viên</b>													
3	Giáo viên Ngữ văn	8	0	8	0	1	5	1	1	0	7	1	

<b>4</b>	Giáo viên Toán		<b>10</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	
<b>5</b>	<u>Ngoại ngữ:</u>		<b>7</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	
<b>6</b>	Giáo viên Giáo dục thể chất		<b>6</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	
<b>7</b>	Giáo dục quốc phòng và An ninh		<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	
<b>8</b>	Giáo viên Lịch sử	Nhóm môn khoa học xã hội	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	
<b>9</b>	Giáo viên Địa lí		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	
<b>10</b>	Giáo viên Kinh tế và Pháp luật		<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	
<b>11</b>	Giáo viên	Nhóm môn	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	

	Vật lí	khoa học tự nhiên												
12	Giáo viên Hoá học	khoa học tự nhiên	6	2	3	0	1	4	1	0	0	5	1	
13	Giáo viên Sinh học		2	0	2	0	0	2	0	0	0	2	0	
14	Giáo viên Âm nhạc	Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Giáo viên Mỹ thuật		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16	Giáo viên Công nghệ		4	0	4	0	0	3	1	0	0	4	0	
17	Giáo viên Tin học		3	1	2	0	0	3	0	0	0	2	1	

18	Giáo viên Tiếng Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	<u>ftn3</u>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Nhân viên</b>													
20	Nhân viên thư viện, thiết bị	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
21	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
22	Nhân viên văn thư	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Nhân viên kế toán	1	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0
24	Nhân viên y tế	1	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0
25	Nhân viên Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Nhân viên giáo vụ	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
27	Nhân viên hỗ trợ người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**THỰC TRẠNG NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Stt	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng CTGDPT 2028	Số lượng	Tỷ lệ %	Điểm mạnh /người có thể hỗ trợ đồng nghiệp	Điểm yếu/người cần hỗ trợ
<b>Đối với giáo viên</b>						
1	Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	Chưa đáp ứng	<b>0</b>	<b>0</b>	Một số giáo viên có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt đã tham gia mạng lưới cốt cán của Bộ GDĐT	
		Đáp ứng	<b>12</b>	<b>20</b>		
		Đáp ứng tốt	<b>48</b>	<b>80</b>		
2	Năng lực sử dụng hình thức, phương pháp dạy	Chưa đáp ứng	0	0	Một số giáo viên có kinh nghiệm, năng lực chuyên	
		Đáp ứng	8	13,33		

	học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	Đáp ứng tốt	52	86,33	môn tốt đã tham gia mạng lưới cốt cán của Bộ GDĐT	
3	Năng lực kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	Chưa đáp ứng	0	0	Một số giáo viên có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt đã tham gia mạng lưới cốt cán của Bộ GDĐT	
		Đáp ứng	5	8,33		
		Đáp ứng tốt	55	91,33		
4	Năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh trong dạy học và giáo dục	Chưa đáp ứng	0	0	Một số giáo viên có kinh nghiệm, một số giáo viên tham gia tập huấn năng lực tư vấn học đường	
		Đáp ứng	15	25		
		Đáp ứng tốt	45	75		
5	Năng lực phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh	Chưa đáp ứng	0	0	Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và phối hợp nhịp nhàng của PHHS	
		Đáp ứng	12	20		
		Đáp ứng tốt	48	80		
6	Năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục	Chưa đáp ứng	0	0	Nhiều giáo viên tiếng Anh đạt trình độ C1 theo khung năng lực chuẩn Châu Âu	Chưa có giáo viên được đào tạo chính quy ngoại ngữ 2 và tiếng dân tộc
		Đáp ứng	20	33,33		
		Đáp ứng tốt	40	66,33		
7	Năng lực xây dựng môi trường giáo dục và cộng đồng học tập chuyên môn.	Chưa đáp ứng	0	0	Nhiều giáo viên có kinh giảng dạy và xây dựng môi trường học tập	
		Đáp ứng	25	41,67		
		Đáp ứng tốt	35	58,33		

<b>Đối với Cán bộ quản lí</b>					
1	Năng lực đổi mới, sáng tạo, thích ứng trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	Chưa đáp ứng	0	0	Cán bộ QL nhà trường đều qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn và có năng lực công tác QL
		Đáp ứng	0	0	
		Đáp ứng tốt	4	100	
2	Năng lực quản trị các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018	Chưa đáp ứng	0	0	Cán bộ QL nhà trường đều qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn và có năng lực công tác QL
		Đáp ứng	0	0	
		Đáp ứng tốt	4	100	
3	Năng lực quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh theo hướng tiếp cận năng lực	Chưa đáp ứng	0	0	Cán bộ QL nhà trường đều qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn và có năng lực công tác QL
		Đáp ứng	0	0	
		Đáp ứng tốt	4	100	
4	Năng lực quản trị chất lượng giáo dục đáp ứng CTGDPT 2018	Chưa đáp ứng	0	0	Cán bộ QL nhà trường đều qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn và có năng lực công tác QL
		Đáp ứng	0	0	
		Đáp ứng tốt	4	100	
5	Năng lực phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh, huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường	Chưa đáp ứng	0	0	Cán bộ QL nhà trường đều qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn và có năng lực công tác QL
		Đáp ứng	0	0	
		Đáp ứng tốt	4	100	
6		Chưa đáp ứng	0	0	

	Năng lực sử dụng ngoại ngữ và Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và lãnh đạo nhà trường thực hiện CTGDPT 2018	Đáp ứng	0	0	Có trình độ CNTT tốt đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục	Năng lực và trình độ ngoại ngữ còn mức hạn chế
		Đáp ứng tốt	4	100		
<b>Đối với nhân viên</b>						
1	Năng lực lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường	Chưa đáp ứng	0	0	Một số đ/c có kinh nghiệm, năng lực lập kế hoạch	Nhiều đ/c mới hợp đồng chưa có năng lực
		Đáp ứng	6	75		
		Đáp ứng tốt	2	25		
2	Năng lực thực hiện các công việc chuyên môn (sử dụng, bảo quản, sửa chữa thiết bị...) theo kế hoạch giáo dục nhà trường	Chưa đáp ứng	0	0	Một số có trình độ chuyên môn phù hợp	Nhiều đ/c chưa có trình độ, năng lực phù hợp với công việc được giao
		Đáp ứng	7	87,5		
		Đáp ứng tốt	1	12,5		
3	Năng lực phối hợp với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường	Chưa đáp ứng	0	0	Phối hợp nhịp nhàng với giáo viên, học sinh....	
		Đáp ứng	8	100		
		Đáp ứng tốt	0	0		

## Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

STT	Số lượng	Hiện có	Yêu cầu của CTGDPT 2018		
	Đội ngũ		Thừa	Thiếu	Cần bổ sung
1	Cán bộ quản lý	4	0	0	0
2	Tổ trưởng tổ chuyên môn	7	0	0	0
3	Tổ trưởng tổ văn phòng	1	0	0	0
4	Giáo viên	60	0	5	5
	<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>40</b>			
1	Môn Ngữ văn	8	0	0	0
2	Môn Toán	10	2	0	0
3	Môn Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh)	7	0	1	1

4	Môn Giáo dục thể chất & QPAN	7	1	0	0
	<b>Nhóm môn Khoa học xã hội</b>	<b>8</b>			
1	Môn Lịch sử	3	1	0	0
2	Môn Địa lí	4	2	0	0
3	Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	2	0	0	0
	<b>Nhóm môn Khoa học Tự nhiên</b>	<b>20</b>			
1	Môn Vật lý	4	1	0	0
2	Môn Hóa học	6	3	0	0
3	Môn Sinh học	2	0	1	1
	<b>Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật</b>	<b>4</b>			
1	Môn Công nghệ	4	2	0	0
2	Môn Tin học	3	1	0	0
3	Môn Âm nhạc	0	0	1	1
4	Môn Mĩ thuật	0	0	1	1
	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>0</b>			
1	Môn tiếng Dân tộc thiểu số	0	0	0	0
2	Môn Ngoại ngữ 2	0	0	1	1

	<b>Nhân viên</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng</b>	<b>71</b>	<b>13</b>	<b>5</b>	<b>5</b>